



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A

Ngày 31/12/2025	18,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.5%	-	36.0%

DT thuần Q4/25
246
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 93.0 61.1%
YoY: ▲ 55.0 29.1%

LN thuần Q4/25
72.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 239 -76.7%
YoY: ▼ 103 -58.7%

LN sau thuế Q4/25
55.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 247 -81.6%
YoY: ▼ 101 -64.4%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
154%
YoY: +/- ▼ 5.0%

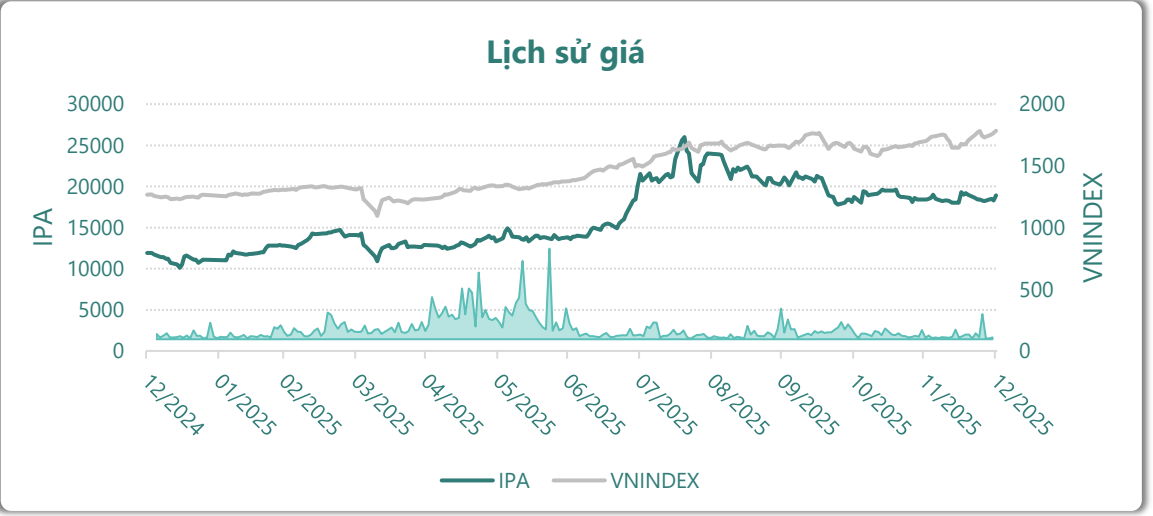
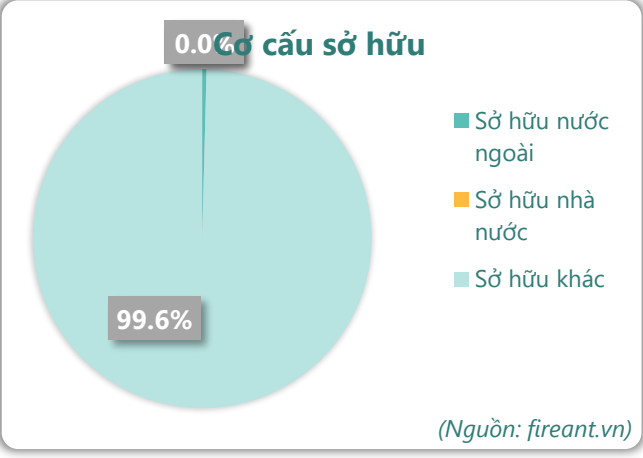
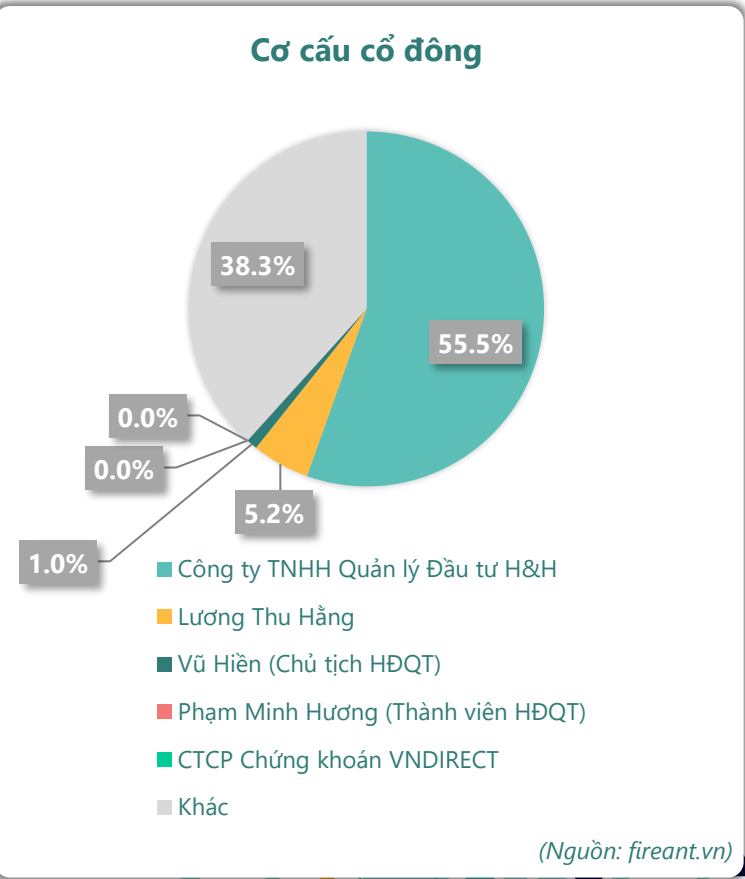
ROE 2025
10.0%
YoY: +/- ▲ 0.3%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,100 - 26,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,041
Số lượng CPLH (CP)	213,835,775
KLGD BQ 20 phiên (CP)	151,260
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	1.87
EPS	2,188
P/E	8.6

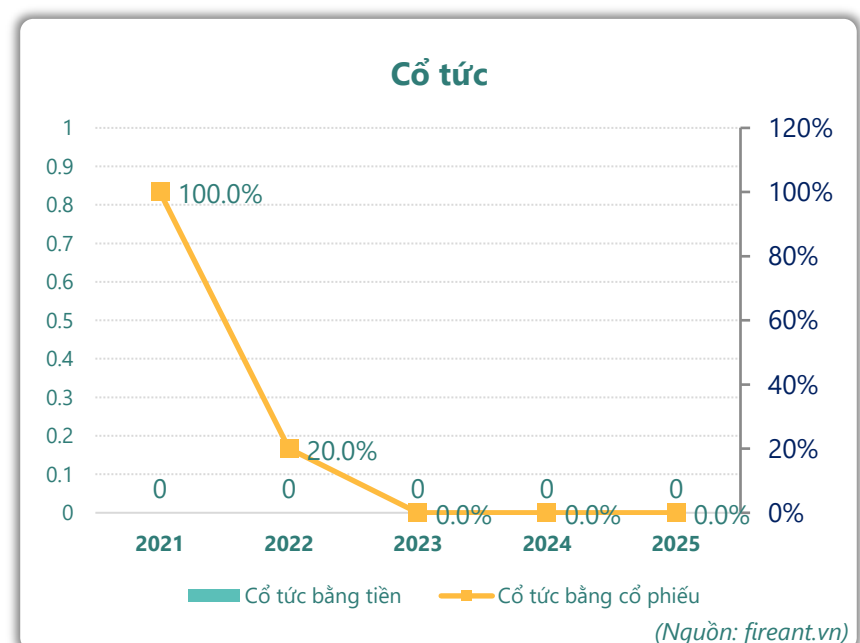
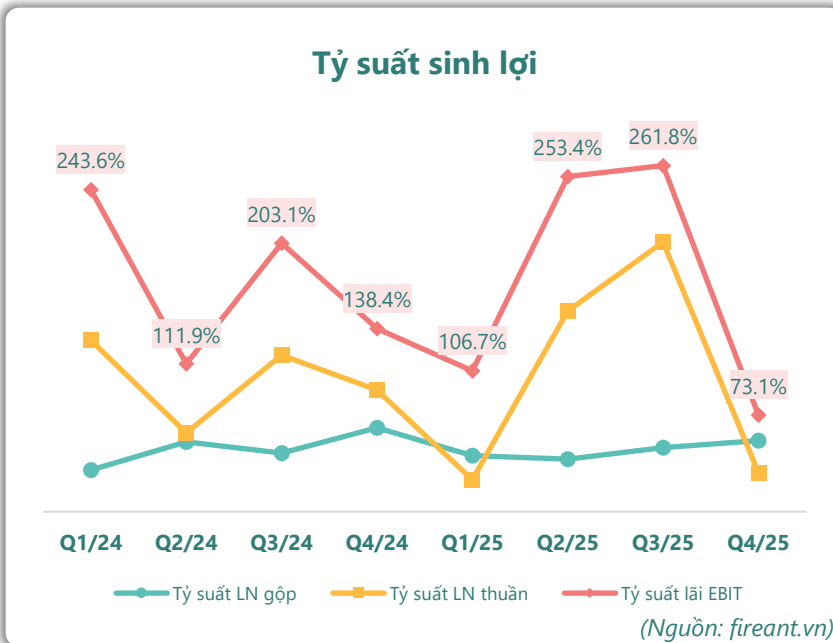
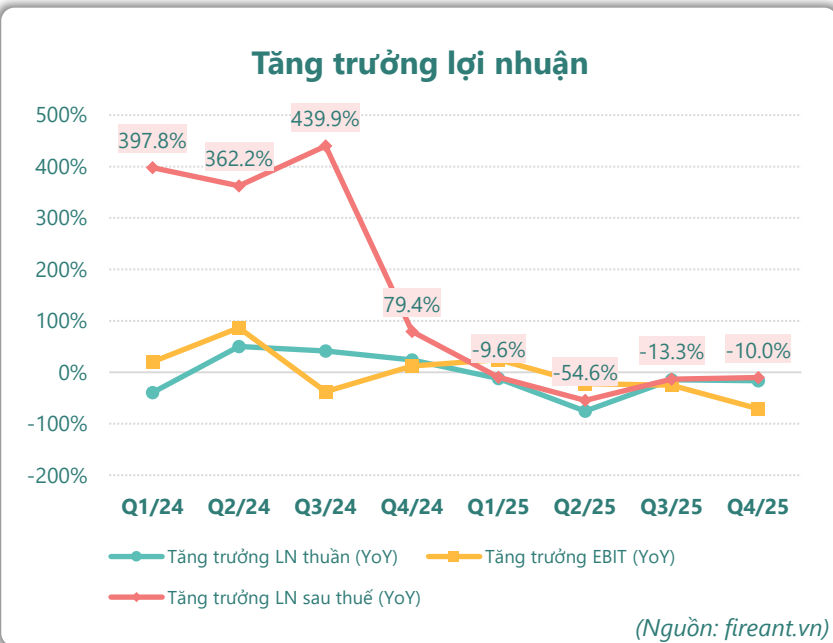
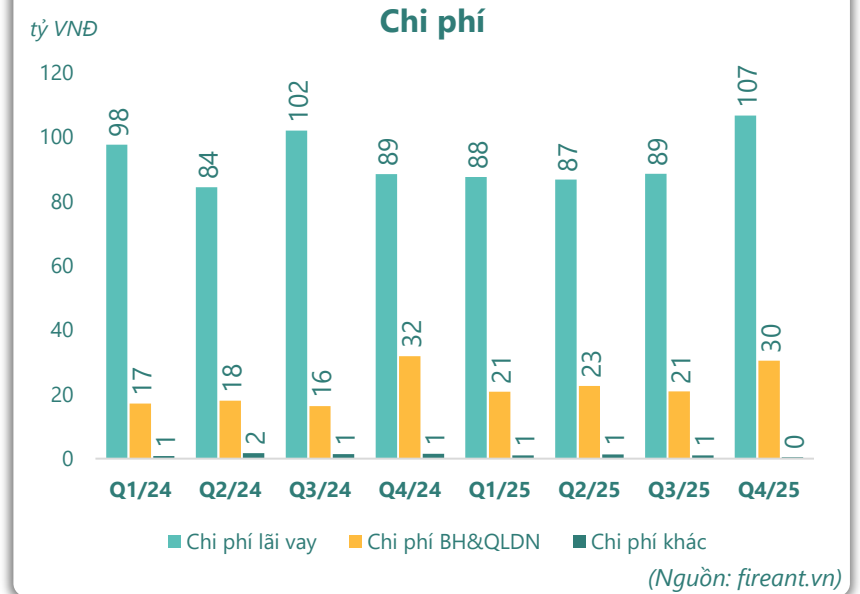
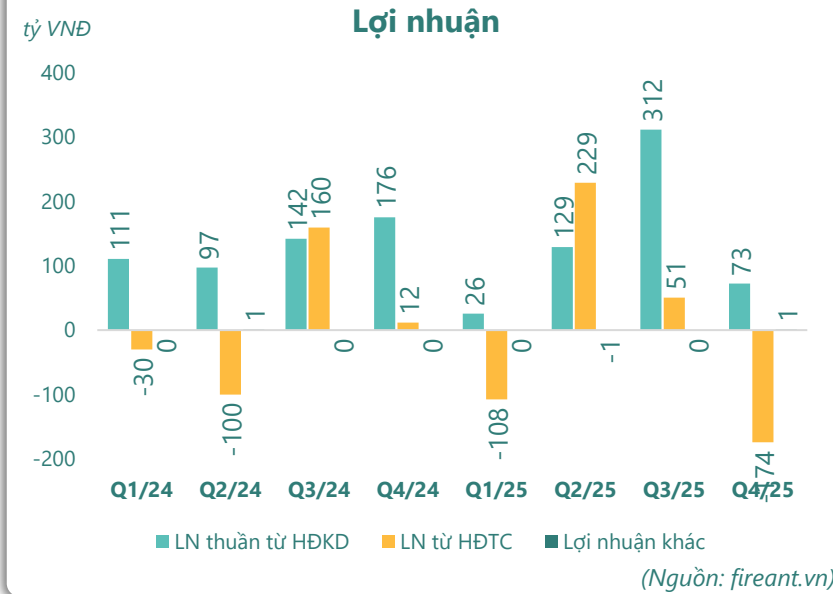
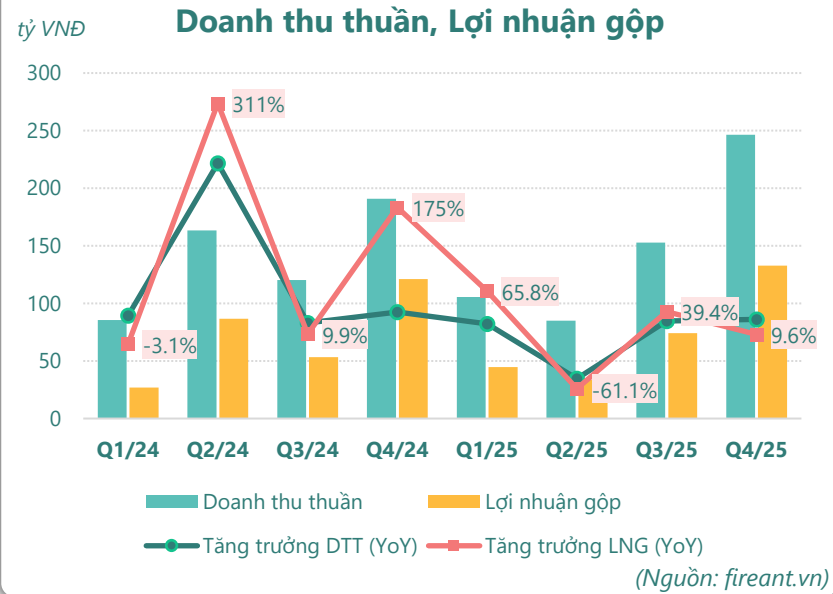
DT thuần 2025
590
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 30.0 5.3%

LN thuần 2025
539
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.0 4.3%

LN sau thuế 2025
501
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 31.0 6.6%



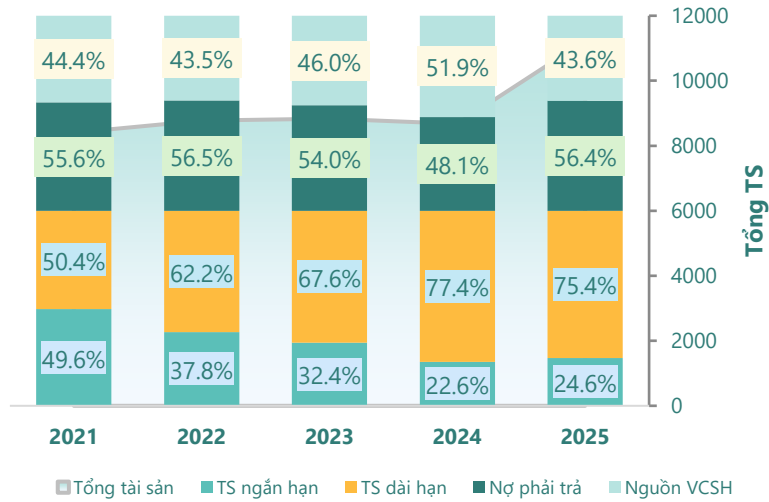
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

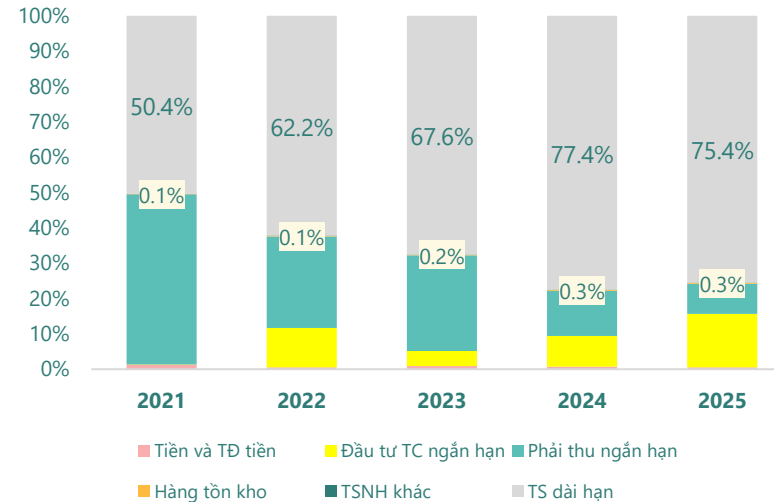
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

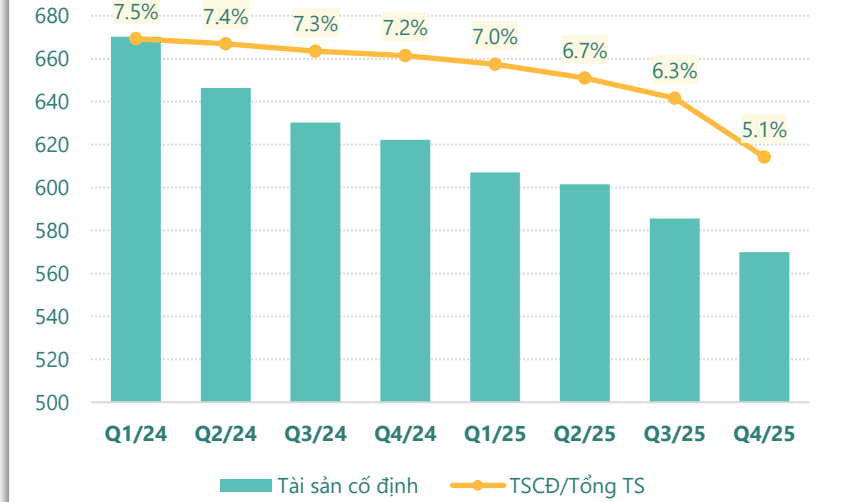
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

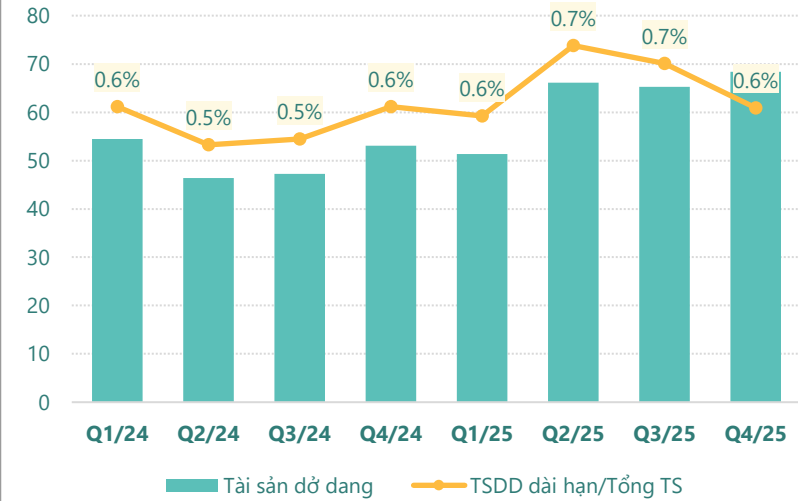
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

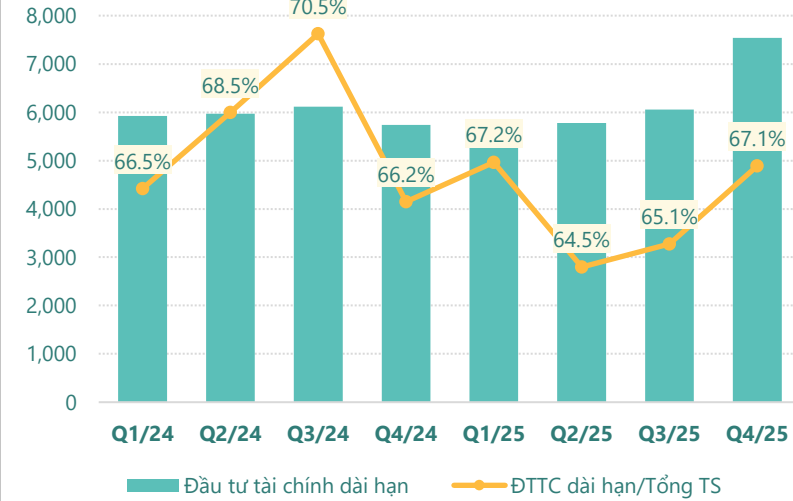
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

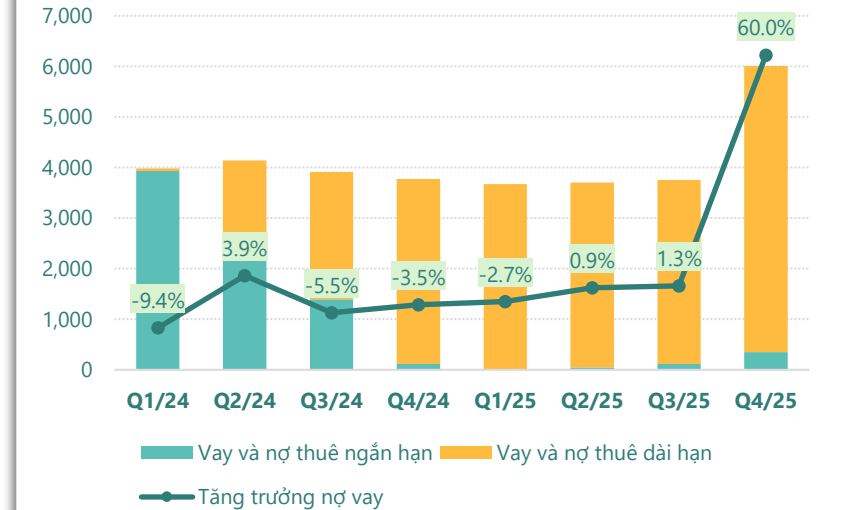
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

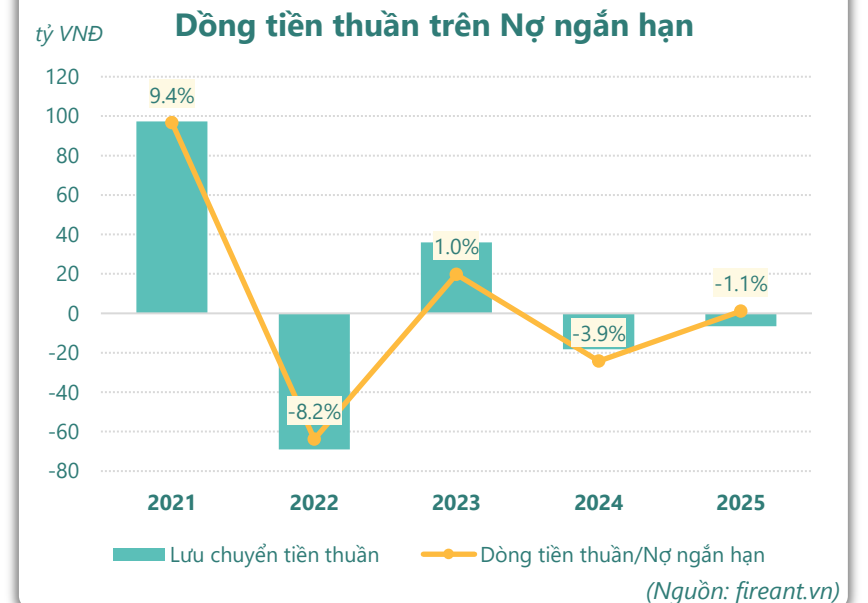
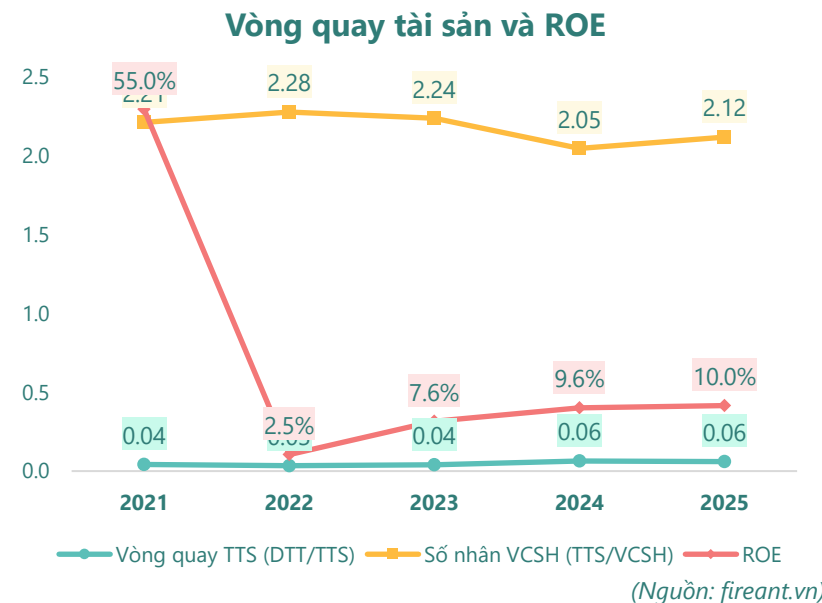
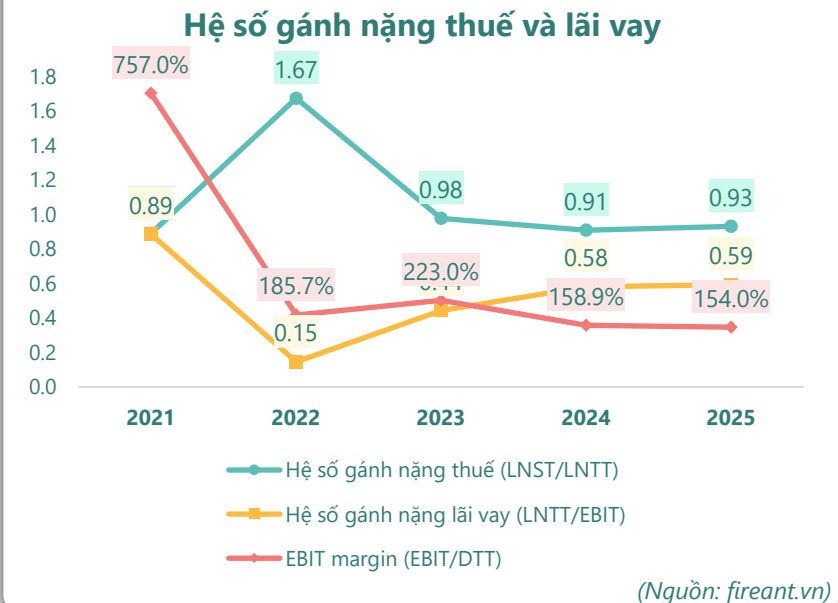
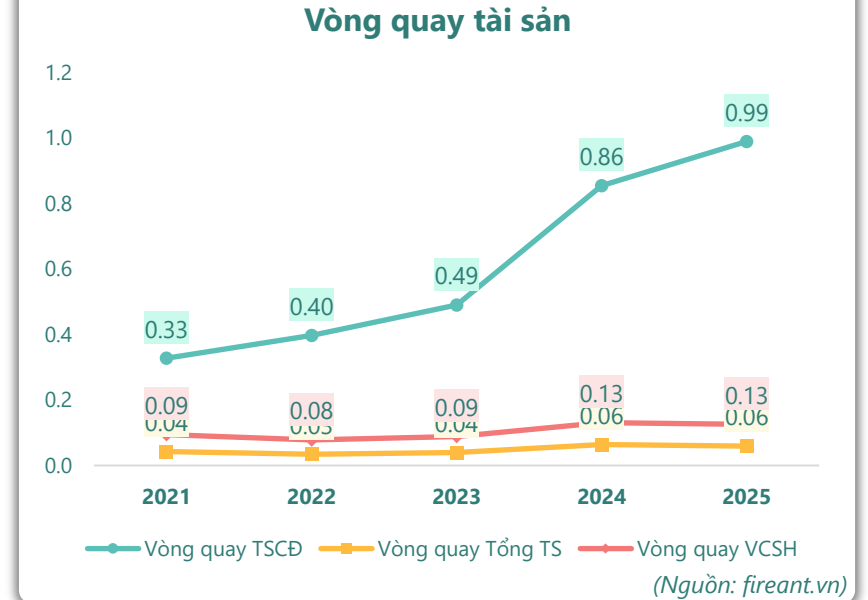
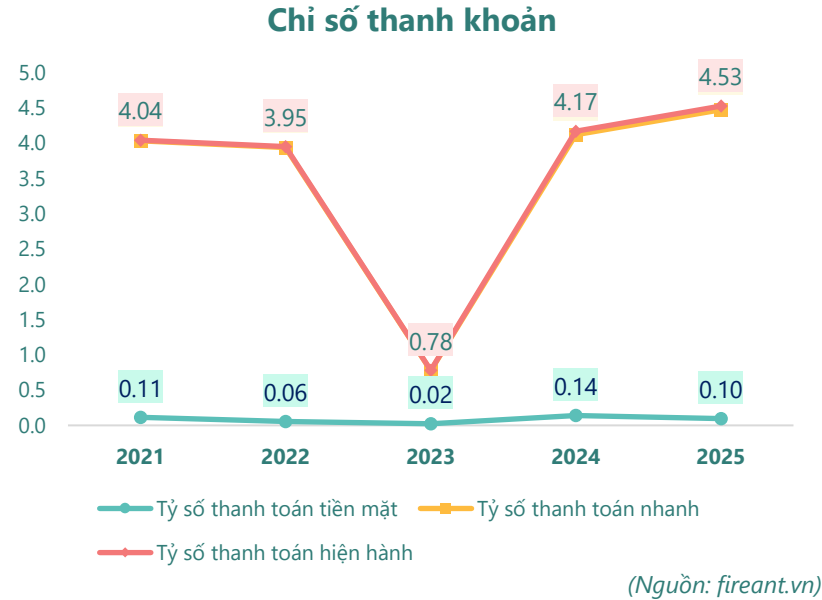
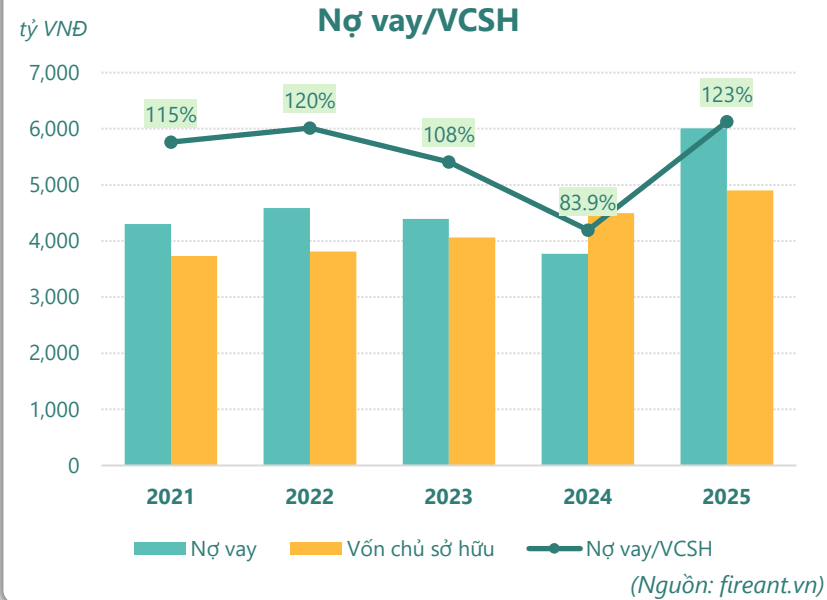
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	246	191	29.1%	590	560	5.3%
Giá vốn hàng bán	114	69.7	63.2%	305	281	8.5%
Lợi nhuận gộp	133	121	9.7%	285	279	2.2%
Doanh thu HĐTC	30.3	54.9	-44.8%	328	459	-28.4%
Chi phí TC	205	43.2	374%	331	418	-21.0%
Chi phí lãi vay	107	88.5	20.7%	370	373	-0.8%
LN trong công ty LKLD	145	74.8	93.5%	351	281	24.9%
Chi phí bán hàng	6.04	4.00	51.1%	19.0	13.8	37.5%
Chi phí QLDN	24.4	27.9	-12.5%	75.8	69.6	8.9%
LN thuần từ HĐKD	72.6	176	-58.7%	539	517	4.3%
Lợi nhuận khác	0.72	-0.10	818%	-0.59	0.32	-286%
LN trước thuế	73.4	176	-58.3%	539	517	4.1%
Lợi nhuận sau thuế	55.5	156	-64.4%	501	470	6.6%
LNST của CĐ cty mẹ	43.2	129	-66.5%	468	411	13.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	247	352	520	125	-82.6	-1,556
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-37.3	-180	-377	-164	40.3	-737
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-226	-150	-105	6.97	45.5	2,278
Tiền đầu kỳ	60.2	43.3	65.5	103	70.4	73.7
Lưu chuyển tiền thuần	-16.9	22.2	37.6	-32.6	3.25	-14.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	43.3	65.5	103	70.4	73.7	59.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	11,233	8,671	29.5%
Tài sản ngắn hạn	2,758	1,956	41.0%
Tiền và tương đương tiền	59.0	65.5	-10.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,700	748	127%
Phải thu ngắn hạn	957	1,112	-14.0%
Hàng tồn kho	32.2	24.7	30.6%
Tài sản ngắn hạn khác	10.4	5.45	90.3%
Tài sản dài hạn	8,475	6,715	26.2%
Phải thu dài hạn	18.3	19.3	-5.2%
Tài sản cố định	570	622	-8.4%
Bất động sản đầu tư	11.3	11.5	-1.9%
Tài sản dở dang	68.4	53.1	28.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	7,539	5,739	31.4%
Tài sản dài hạn khác	223	220	1.5%
Lợi thế thương mại	44.7	50.5	-11.5%
Nợ phải trả	6,332	4,173	51.7%
Nợ ngắn hạn	609	469	30.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	346	112	209%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.17	5.29	35.5%
Nợ dài hạn	5,722	3,704	54.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	5,660	3,662	54.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,902	4,499	9.0%
Vốn chủ sở hữu	4,902	4,499	9.0%
Vốn điều lệ	2,138	2,138	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

